

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 20-4-2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn.
2. Ông Trần Văn Lô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS, ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm: 19xx;
Địa chỉ: Số x Nguyễn Trung T, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 30/7/20xx). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng L và những lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn là bà Võ Thị Q như sau:

Ngày 07/7/2020, bà L có cho bà Nguyễn Thị Kim N vay số tiền 27.000.000đ để lo kinh tế gia đình, thời gian 01 tháng, có làm giấy nợ do bà N ký tên, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Từ ngày vay tiền cho đến nay bà N không có trả vốn và lãi cho bà L. Nay bà L yêu cầu bà N hoàn trả số tiền 27.000.000đ và tiền lãi là $27.000.000đ \times 1,6\% \times 1 \text{ tháng} = 432.000đ$. Tổng cộng vốn và lãi là 27.432.000đ.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Do bà N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Tuy nhiên nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 09 tháng tiền lãi tính từ ngày 08/7/2020 đến ngày 20/4/2021 (làm tròn 9 tháng) là $27.000.000đ \times 1,6\% \times 9 \text{ tháng} = 3.888.000đ$. Tổng cộng vốn và lãi là 30.888.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Hồng L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải trả số tiền vay còn nợ và bà N hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Ngân theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay còn nợ là 27.000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp giấy nợ ghi ngày 07/7/2021 có nội dung: “...Hôm nay, ngày 7 tháng 7 năm 2020. Tôi có vay của bà Đỗ Thị Hồng Lsố tiền 27.000.000đ... Lãi suất 3%/tháng. Thời hạn 1 tháng...” có chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim N. Tòa án đã tiến hành niêm yết cho bà N thông báo về việc

thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà N không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện bà N còn nợ số tiền vay của bà L. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét, bà N không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như bà N từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên xác định bà N có nợ của bà L số tiền 27.000.000đ. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N trả số tiền là 27.000.000đ cho bà Đỗ Thị Hồng L.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 1,6%/tháng từ ngày 08/7/2020 cho đến nay. Xét, trong giấy mượn ngày 07/7/2020 có thể hiện số tiền cho vay là 27.000.000đ, trong 01 tháng trả lại, lãi suất 3%/tháng nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,6%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 08/7/2020 đến ngày 19/4/2021 (làm tròn 9 tháng) là $27.000.000đ \times 1,6\%/tháng \times 9 = 3.888.000đ$.

[5] Như vậy, tổng cộng số tiền bà N phải trả cho bà Liên là $27.000.000đ + 3.888.000đ = 30.888.000đ$.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 357

của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng L tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc Nguyễn Thị Kim N trả cho bà Đỗ Thị Hồng L số tiền vốn vay còn nợ 27.000.000đ và tiền lãi 3.888.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 30.888.000đ (Ba mươi triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu số tiền 1.544.400đ (Một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 685.800đ (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm đồng) theo biên lai số 0004245 ngày 12/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa